



BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU

| Quyền Lợi Bảo Hiểm | | | |
|--|---|---|--|
| Tóm tắt quyền lợi | Mức quyền lợi tối đa (US\$) | | |
| HỖ TRỢ Y TẾ Ở NƯỚC NGOÀI | Cao Cấp | Phổ Thông | Cơ Bản |
| 1. Thanh toán các chi phí y tế cho tai nạn và ốm đau, chi phí nha khoa do tai nạn ở nước ngoài (bao gồm cả nội trú và ngoại trú) Hỗ trợ cả chi phí cho việc chữa trị tiếp theo tại Việt Nam Người được bảo hiểm (dưới 70 tuổi trở xuống) Người được bảo hiểm (từ 70 tuổi trở lên) | 100.000 USD 50.000 USD | 75.000 USD 50.000 USD | 50.000USD 25.000 USD |
| 2. Trợ cấp khi nằm viện Ngoài chi phí Y Tế, người được bảo hiểm được hỗ trợ thêm 50USD cho mỗi ngày nằm viện trong thời gian phải nằm viện ở nước ngoài. | 2.500 USD | 1.000 USD | 1.000 USD |
| 3. Di chuyển y tế khẩn cấp Thanh toán các chi phí cấp cứu khẩn cấp do ISOS cung cấp, bao gồm cả việc đưa người được bảo hiểm trở về Việt Nam | Không hạn chế | Không hạn chế | Không hạn chế |
| 4. Đưa thi hài về Việt Nam Thanh toán các chi phí cho dịch vụ do ISOS cung cấp khi hồi hương thi hài của Người được bảo hiểm bị tử vong trong khi thực hiện chuyến đi về Việt Nam. | Không hạn chế | Không hạn chế | Không hạn chế |
| 5. Đưa thi hài về Nước nguyên xứ Thanh toán các chi phí cho dịch vụ do ISOS cung cấp khi hồi hương thi hài của Người được bảo hiểm bị tử vong trong khi thực hiện chuyến đi về Nước nguyên xứ | 30.000 USD | 15.000 USD | 10.000USD |
| 6. Dịch vụ trợ giúp toàn cầu ISOS Luôn sẵn sàng 24/7 để phục vụ bạn trong suốt chuyến đi và được cung cấp hoàn toàn miễn phí. Chỉ cần thực hiện cuộc gọi đến Tổng Đài Trợ Giúp Khẩn Cấp của ISOS, bạn sẽ nhận được sự trợ giúp đa dạng và hiệu quả của chúng tôi. Các dịch vụ trợ giúp chính: <ul style="list-style-type: none">❖ Các dịch vụ trợ giúp về y tế như tư vấn tình trạng sức khỏe qua điện thoại; giới thiệu, cung cấp thông tin về các cơ sở y tế❖ Thu xếp các thủ tục với bệnh viện, bao gồm cả thu xếp thanh toán viện phí❖ Vận chuyển y tế khẩn cấp và hồi hương thi hài❖ Trợ giúp tìm kiếm hành lý❖ Dịch vụ pháp lý❖ Thu xếp đi lại khẩn cấp | Bao gồm | Bao gồm | Bao gồm |
| 7. Thăm viếng tại bệnh viện Thanh toán các chi phí phụ cho một người họ hàng hay bạn bè sang chăm sóc nếu Người được bảo hiểm không thể vận chuyển cấp cứu và cần phải nằm viện từ 5 ngày trở lên ở nước ngoài | 6.000 USD | 4.000 USD | 3.000 USD |
| 8. Thăm viếng để thu xếp việc tang lễ Thanh toán các chi phí cho một người họ hàng hay bạn bè sang để thu xếp việc hồi hương thi hài Người được bảo hiểm, trong trường hợp cần thiết. | 5.000 USD | 5.000 USD | 3.000 USD |
| 9. Chăm sóc trẻ em Thanh toán các chi phí cho một người họ hàng hay bạn bè sang đưa trẻ em về nhà sau khi Người được bảo hiểm phải nằm viện. | 6.000 USD | 4.000 USD | 3.000 USD |
| HỖ TRỢ TAI NẠN CÁ NHÂN | Cao Cấp | Phổ Thông | Cơ Bản |
| 10. Tử vong và thương tật do tai nạn Người được bảo hiểm (dưới 70 tuổi trở xuống) Người được bảo hiểm (từ 70 tuổi trở lên) Trẻ em được bảo hiểm (theo Hợp đồng bảo hiểm Gia đình) | 150.000 USD 50.000 USD 25.000 USD | 100.000 USD 50.000 USD 25.000 USD | 50.000 USD 25.000 USD 25.000 USD |

| | | | |
|--|--|---|---|
| 11. Bảo hiểm với quyền lợi gấp đôi khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng Người được bảo hiểm (dưới 70 tuổi trở xuống) Người được bảo hiểm (từ 70 tuổi trở lên) Trẻ em được bảo hiểm (theo Hợp đồng bảo hiểm Gia đình) | 300.000 USD 100.000 USD 50.000 USD | Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng | Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng |
| 12. Hỗ trợ chi phí học hành của trẻ em Hỗ trợ chi phí học tập dành cho mỗi người con trong giá thú (từ 23 tuổi trở xuống, đang còn học tại một trường được công nhận) trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn. | 2.500 USD | 500 USD | 500 USD |
| TRỢ ĐI LẠI | | | |
| | Cao Cấp | Phổ Thông | Cơ Bản |
| 13. Huỷ bỏ chuyến đi Thanh toán tiền vé và tiền phòng đã trả trước nhưng không đòi lại được do huỷ chuyến đi, với điều kiện là việc huỷ chuyến đi phải xảy ra trong vòng 30 ngày trước ngày dự định khởi hành từ Việt Nam. | 7.500 USD | 5.000 USD | 5.000 USD |
| 14. Hoãn chuyến đi Thanh toán các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến việc đặt lại vé và chỗ ở của Người được bảo hiểm, với điều kiện là việc hoãn chuyến đi phải xảy ra trong vòng 30 ngày trước ngày dự định khởi hành từ Việt Nam | 1.000 USD | 500 USD | Không áp dụng |
| 15. Rút ngắn chuyến đi bao gồm cả trường hợp bị không tặc Thanh toán các chi phí về đi lại và chỗ ở bị gia tăng và mất đi do chuyến đi của người được bảo hiểm bị rút ngắn sau khi chuyến đi đã bắt đầu | 7.500 USD | 5.000 USD | Không áp dụng |
| 16. Hỗ trợ Người đi cùng Chi trả các chi phí liên quan đến phần của chuyến đi chưa thực hiện theo lịch trình của Người đi cùng do Người được bảo hiểm phải nằm viện và chuyến đi dự kiến bị gián đoạn. | 6.000 USD | 4.000 USD | Không áp dụng |
| 17. Hành lý cá nhân bao gồm máy tính xách tay Chi trả cho hành lý, quần áo và tư trang, máy tính cá nhân bị mất hay bị hư hỏng trong chuyến đi (tối đa không quá 500 USD đối với mỗi đồ vật và không quá 1.000 USD đối với máy tính xách tay.) | 2.500 USD | 1.500 USD | 1.000 USD |
| 18. Hành lý đến chậm Thanh toán 200 USD cho mỗi 8 tiếng liên tục hành lý đến chậm khi Người được bảo hiểm ở nước ngoài. | 500 USD | 500 USD | 500 USD |
| 19. Giấy tờ đi đường – Tiền cá nhân <ul style="list-style-type: none"> ❖ Thanh toán các chi phí đi lại và chỗ ở của Người được bảo hiểm bao gồm cả chi phí xin cấp hộ chiếu mới, vé vận chuyển và các giấy tờ đi lại khác. ❖ Nếu bị mất trộm tiền sẽ được hỗ trợ với số tiền tối đa 300 USD | 3.000 USD | 2.000 USD | 1.500 USD |
| 20. Chuyến đi bị trì hoãn Thanh toán 100 USD cho mỗi 8 tiếng liên tục người được bảo hiểm bị chậm chuyến đi ở nước ngoài | 1.000 USD | 750USD | 500 USD |
| 21. Lỡ nói chuyện Thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc lỡ nói chuyện của người được bảo hiểm ở nước ngoài. | 200 USD | 200 USD | 200 USD |
| 22. Trách nhiệm cá nhân khi ở nước ngoài Thanh toán cho Người được bảo hiểm các trách nhiệm pháp lý trước bên thứ ba về những thiệt hại về người hay thiệt hại về tài sản do lỗi bất cẩn của Người được bảo hiểm gây ra. | 100.000 USD | 75.000 USD | 50.000 USD |
| CÁC QUYỀN LỢI ĐẶC BIỆT KHÁC | | | |
| | Cao Cấp | Phổ Thông | Cơ Bản |
| 23. Bồi hoàn khấu trừ bảo hiểm đối với phương tiện thuê Thanh toán khoản khấu trừ bồi thường đối với phương tiện người được bảo hiểm thuê sử dụng và bị tai nạn ở nước ngoài. | 500 USD | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 24. Tự động gia hạn hợp đồng bảo hiểm Đối với hợp đồng bảo hiểm theo chuyến đi, thời gian bảo hiểm sẽ được tự động kéo dài thêm 72 giờ hoàn toàn miễn phí trong trường hợp người được bảo hiểm gặp phải những sự cố nằm ngoài tầm kiểm soát | Bao gồm | Bao gồm | Bao gồm |
| 25. Bảo hiểm trong trường hợp bị khủng bố Toàn bộ các quyền lợi từ 1-24 của chương trình bảo hiểm đều có hiệu lực khi chúng xảy ra bởi các hành động khủng bố khi người được bảo hiểm ở nước ngoài | Bao gồm | Bao gồm | Bao gồm |

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

| CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á | | Brunei, Cambodia, Indonesia, Laos, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand, | | | | |
|----------------------------|----------|---|-----------|----------|---------|----------|
| Thời gian (ngày) | NÂNG CAO | | PHỔ THÔNG | | CƠ BẢN | |
| | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình |
| 1 - 3 | 11 | 21 | 8 | 16 | 7 | 14 |
| 4 - 6 | 13 | 26 | 10 | 20 | 9 | 18 |
| 7 - 10 | 18 | 36 | 12 | 24 | 11 | 22 |
| 11 - 14 | 24 | 48 | 16 | 33 | 14 | 28 |
| 15 - 18 | 29 | 57 | 21 | 42 | 18 | 36 |
| 19 - 22 | 33 | 65 | 25 | 50 | 22 | 44 |
| 23 - 27 | 36 | 72 | 29 | 57 | 25 | 50 |
| 28 - 31 | 40 | 79 | 33 | 65 | 28 | 56 |
| Mỗi tuần tiếp theo | 7 | 13 | 5 | 10 | 4 | 8 |
| Bảo hiểm theo năm | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| CHÂU Á | | ASEAN, Australia, China, Hong Kong, India, Japan, Korea, Macau, New Zealand, Taiwan | | | | |
| Thời gian (ngày) | NÂNG CAO | | PHỔ THÔNG | | CƠ BẢN | |
| | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình |
| 1 - 3 | 14 | 28 | 10 | 21 | 8 | 16 |
| 4 - 6 | 17 | 34 | 13 | 26 | 10 | 20 |
| 7 - 10 | 23 | 47 | 16 | 31 | 13 | 26 |
| 11 - 14 | 31 | 62 | 21 | 43 | 18 | 36 |
| 15 - 18 | 37 | 74 | 28 | 55 | 23 | 46 |
| 19 - 22 | 42 | 85 | 32 | 65 | 25 | 50 |
| 23 - 27 | 47 | 94 | 37 | 74 | 27 | 54 |
| 28 - 31 | 51 | 103 | 42 | 85 | 30 | 60 |
| Mỗi tuần tiếp theo | 9 | 17 | 6 | 12 | 4 | 8 |
| Bảo hiểm theo năm | 170 | 320 | 150 | 300 | NA | NA |
| TOÀN CẦU | | Gồm: các nước Đông Nam Á, Châu Á, và các nước còn lại của Thế giới | | | | |
| Thời gian (ngày) | NÂNG CAO | | PHỔ THÔNG | | CƠ BẢN | |
| | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình | Cá nhân | Gia đình |
| 1 - 3 | 16 | 32 | 11 | 23 | 9 | 18 |
| 4 - 6 | 20 | 40 | 14 | 28 | 12 | 24 |
| 7 - 10 | 27 | 54 | 17 | 34 | 15 | 30 |
| 11 - 14 | 36 | 71 | 23 | 46 | 20 | 40 |
| 15 - 18 | 43 | 86 | 30 | 59 | 25 | 50 |
| 19 - 22 | 49 | 98 | 35 | 70 | 27 | 54 |
| 23 - 27 | 54 | 109 | 40 | 80 | 29 | 58 |
| 28 - 31 | 59 | 119 | 46 | 91 | 32 | 64 |
| Mỗi tuần tiếp theo | 10 | 20 | 7 | 13 | 5 | 9 |
| Bảo hiểm theo năm | 340 | 640 | 250 | 500 | NA | NA |

- Đông Nam Á:** Malaysia, Indonesia, Thailand, Philippines, Myanmar, Cambodia, Laos, Singapore, Brunei
- Châu Á:** ASEAN, China, Hong Kong, Macau, Taiwan, Korea, Australia, New Zealand, Japan, India
- Toàn Cầu:** Đông Nam Á, Châu Á và toàn bộ phần còn lại của thế giới